

Bản án số: 22/2018/HS-ST

Ngày 26 – 6 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Hải

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Lợi, ông Phạm Trung Hiếu và bà Trần Thị Đàm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Hà Đình Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vàng A Tr, sinh năm 1969, tại huyện V, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn T L, xã S G, huyện V, tỉnh Y; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng A P (Đã chết) và bà Trang Thị S, sinh năm 1923; có vợ là Sổng Thị Ch, sinh năm 1970 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 13/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Vàng A Ch, sinh năm 1973, tại huyện V, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Bản L, xã S T, huyện V, tỉnh Y; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng A D, sinh năm 1953 và bà Giàng Thị T, sinh năm 1953; có vợ là Sổng Thị S, sinh năm 1974 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày

13/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. Mùa A Kh, sinh năm 1991, tại huyện T, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn T Ch, xã T Đ, huyện T, tỉnh Y; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A H, sinh năm 1969 và bà Hằng Thị D, sinh năm 1967; có vợ là Phàng Thị D và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 13/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vàng A Tr, Vàng A Ch và Mùa A Kh:* Ông Đỗ Viết K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:* Chị Sồng Thị Cha (Tên gọi khác Sồng Thị Tr), sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn T L, xã S G, huyện V, tỉnh Y. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Vàng A H, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn P C, xã S G, huyện V, tỉnh Y. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông cho các bị cáo:* Ông Sùng A H.

Công tác tại Báo Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ 10 phút ngày 13/11/2017, tại khu vực thôn V T, xã S T, huyện V, tỉnh Y, Công an tỉnh Yên Bái đã bắt quả tang Mùa A Kh, Vàng A Ch và Vàng A Tr đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận như sau:

Vàng A Tr có quen một người đàn ông tên T, nhà ở xã Y H, huyện V 2, tỉnh Y. Khoảng giữa tháng 10/2017, T gọi điện bảo Tr tìm mua cho T 01 cây hêrôin. Sau đó, Tr gặp Vàng A Ch hỏi Ch có biết ai bán ma túy thì bảo Tr. Ch đã gặp và mua chịu của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên tại khu vực cầu N, huyện V 01 cây hêrôin với giá 18.000.000 đồng. Ch gọi điện cho Tr hẹn gặp nhau ở khu vực cầu Trắng, thuộc huyện V để mua bán ma túy. Tr gọi điện cho T hẹn đến điểm đã hẹn với Ch. Tại đây, T đã mua của Ch 01 cây hêrôin với giá 21.000.000 đồng. Tuấn đã trả cho Tr 300.000 đồng công môi giới. Ngày 11/11/2017, T lại gọi điện cho Tr nói cần mua 03 cây hêrôin với giá 30.000.000 đồng/01 cây. Tr gọi điện cho Ch. Ch nói để hỏi Mùa A Kh xem có hay không và cho Tr số điện thoại của Kh. Sau đó, Ch điện thoại cho Kh nói có khách cần mua 03 cây hêrôin với giá 30.000.000 đồng/01 cây. Kh đồng ý và thống nhất khi có ma túy sẽ gặp nhau ở khu vực đồi chè thuộc xã S G, huyện V để mua bán. Đến 07 giờ

ngày 13/11/2017, Kh liên lạc với N hỏi mua 03 cây hêrôin. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N hẹn Kh đến khu vực xã N A, thị xã N L. Trước khi đến gặp N, Kh rủ Mùa A C là em họ của Kh đi cùng nhưng chỉ nói là đi chợ. Đến điểm hẹn, N bán chịu cho Kh 2,5 cây hêrôin với giá 33.000.000 đồng. Sau đó, Kh đèo C đến khu vực cầu Trắng, huyện V gặp Ch, Tr và T. Tới nơi, Tr và C đứng đợi ở ven đường, còn Kh, Ch, T và 01 người đàn ông cùng đi với T xuống khu vực trồng cây bạch đàn gần đó để mua bán ma túy. Khi T đang kiểm tra chất lượng hêrôin thì phát hiện thấy Công an nên cùng người đàn ông đi cùng chạy thoát. Kh, Ch và Tr bị bắt cùng tang vật. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Kh 01 điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân, 01 xe mô tô; tạm giữ của Ch 01 điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân, 01 xe máy; tạm giữ của Tr 01 điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân và 14.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 244/KLGĐ ngày 15/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Số tiền 14.000.000 đồng gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản Kết luận giám định số: 213/GĐMT ngày 20/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Mùa A Kh cùng đồng bọn có tổng trọng lượng là 83,3 gam là ma túy, loại hêrôin.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKS-P1 ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố Mùa A Kh theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Vàng A Ch và Vàng A Tr theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã rút một phần quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Vàng A Tr, Vàng A Ch và Mùa A Kh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 194; các điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Mùa A Kh từ 15 năm tù đến 16 năm tù;

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 194; các điểm p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Vàng A Ch từ 15 năm tù đến 16 năm tù;

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Vàng A Tr từ 18 năm tù đến 19 năm tù.

- Do các bị cáo đều thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền;

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 03 điện thoại di động phương tiện các bị cáo đã dùng để phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: Số hêrôin còn lại sau khi giám định, 01 ví giả da màu đen của Vàng A Tr, 02 vỏ phong bì niêm phong vật chứng và các giấy gói sau khi giám định.

- Trả lại cho các bị cáo giấy chứng minh nhân dân; trả lại cho bị cáo Tr và chỉ Ch 2 14.000.000 đồng; trả cho bị cáo Ch và bị cáo Kh chiếc xe máy là tài sản hợp pháp của gia đình các bị cáo.

- Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo và các đương sự.

Bị cáo Kh và bị cáo Ch không có ý kiến tranh luận gì. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt ở mức thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Tr phủ nhận những lời nhận tội tại cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Người bào chữa cho các bị cáo đã tiến hành tranh tụng có nội dung được tóm tắt như sau: Về cơ bản người bào chữa nhất trí với tội danh và đường lối xử lý mà đại diện Viện kiểm sát đã đề xuất. Trên cơ sở lời khai của bị cáo Ch và bị cáo Kh tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa cùng biên bản bắt người phạm tội quả tang, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã cho thấy Viện kiểm sát quy kết các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Việc Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử lưu tâm việc các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn nên ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, do nghèo khó mà nhất thời phạm tội; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực hợp tác giúp cơ quan điều tra làm sáng tỏ vụ án để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Ch còn có ông nội là Vàng A C là người có công, được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba nên bị cáo này còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Từ những phân tích trên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Vàng A Ch và Mùa A Kh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 194; các điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Mùa A Kh 15 năm tù;

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 194; các điểm p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Vàng A Ch 15 năm tù;

- Do các bị cáo đều thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền;

- Trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi liên quan số vật chứng là tài sản chung trong gia đình;

- Bị cáo Tr tại phiên tòa đã thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy

định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Sồng Thị Ch 2 khai số tiền tạm giữ khi bắt bị cáo Tr là tài sản chung của gia đình do vay mượn và bán quế mà có. Chị Ch 2 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho chị số tiền này để trả cho anh Vàng A H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Điều tra viên cần lưu ý hơn trong việc lấy lời khai bị can là người dân tộc thiểu số, người không biết chữ để đảm bảo thực hiện đúng thủ tục được quy định tại Điều 25 và Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Điều 29 và Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ch và bị cáo Kh thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, còn bị cáo Tr không nhận tội và kêu oan. Hội đồng xét xử thấy lời nhận tội của bị cáo Tr tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo Ch và bị cáo Kh tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các bản Kết luận giám định, phù hợp với vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Vào hồi 16 giờ 10 phút ngày 13/11/2017, tại khu vực thôn V T, xã S T, huyện V, tỉnh Y, các bị cáo Mùa A Kh, Vàng A Ch và Vàng A Tr đã có hành vi mua bán trái phép 83,3 gam heroin. Cả ba bị cáo đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước nên việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Vàng A Tr, Vàng A Ch và Mùa A Kh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố là phù hợp với thực tế, đảm bảo nguyên tắc “Suy đoán vô tội” được quy định tại Điều 13, phù hợp với Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên cần được chấp nhận.

[3] Các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo các bị cáo thành những công dân có ích cho xã hội.

[4] Đây là vụ án có nhiều đối tượng cùng tham gia nhưng do sự cấu kết giữa các bị cáo không thực sự chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là người thực hành nhưng bị cáo Tr là người thực hành tích cực nhất, tại phiên tòa, bị cáo Tr không thành khẩn nên phải được xử lý nghiêm khắc hơn để phân hóa tội phạm.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, chưa có tiền án, tiền sự, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo Tr và bị cáo Ch còn chưa biết chữ nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ch và bị cáo Kh được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm” quy định tại điểm p và điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Ch có ông nội là Vàng A C là người được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương Kháng chiến hạng ba. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số: 01/2000/NQ-HĐ TP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong trường hợp này bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[8] Do các bị cáo đều thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[9] Về việc xử lý vật chứng: Cần tịch thu, tiêu hủy số hêrôin còn lại, các phong bì, ni lon dùng để niêm phong vật chứng và 01 ví giả da do ma túy là vật cấm lưu hành, số vật chứng còn lại thì không còn giá trị sử dụng; Cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động vì đã được các bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội; Cần trả lại cho các bị cáo giấy chứng minh nhân dân vì đó là giấy tờ tùy thân của các bị cáo; trả bị cáo Kh và bị cáo Ch chiếc xe máy là tài sản chung của gia đình; trả lại bị cáo Tr và vợ của bị cáo là chị Sổng Thị Ch 2 14.000.000 đồng do đó là tài sản hợp pháp, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo.

[10] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo Khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Các bị cáo và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo theo khoản 1 và khoản 4 Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Trong vụ án này còn có Mùa A C là người được Mùa A Kh rủ đi chơi cùng nhưng do C không biết việc mua bán ma túy của Kh, Ch và Tr nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý C là phù hợp cần được chấp nhận.

Kh khai người bán ma túy tên là N, còn Tr khai người mua ma túy tên là T nhưng do các bị cáo không xác định được địa chỉ cụ thể của những người này nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ cũng cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 – Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vàng A Tr, Vàng A Ch và Mùa A Kh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

2 – Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 194; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Vàng A Tr 18 (Mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2017;

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 194; các điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Mùa A Kh và bị cáo Vàng A Ch mỗi bị cáo 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2017;

3 – Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 03 (Ba) chiếc điện thoại di động đã cũ;

+ Tịch thu, tiêu hủy: Số hêrôin còn lại sau khi giám định (83 gam), 02 (Hai) vỏ phong bì niêm phong vật chứng, nilon gói và 01 ví giả da màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Vàng A Tr và vợ của bị cáo là chị Sổng Thị Ch 2: 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. (Cơ quan Thi hành án dân sự có thể tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án).

+ Trả lại cho bị cáo Vàng A Tr: 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Vàng A Tr;

+ Trả lại cho bị cáo Vàng A Ch 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Vàng A Ch; 01 (Một) xe máy nhãn hiệu YAMHA Sirius biển kiểm soát 21 ...;

+ Trả lại cho bị cáo Mùa A Kh: 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Mùa A Kh, 01 (Một) xe máy nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 21 ...

(Số tiền 14.000.000 đồng đã được niêm phong trong 01 phong bì do Phòng KTHS Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Lượng ma túy còn lại, đặc điểm của những vật chứng nêu trên được ghi và mô tả chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/02/2018 và ngày 07/5/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái)

4 – Về việc chịu án phí: Căn cứ Khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Vàng A Tr, Vàng A Ch và Mùa A Kh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

5 – Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo và người có quyền lợi liên quan chị Sổng Thị Ch 2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Trần Trung Hải